

裁判救濟程序

Điều khoản hướng dẫn trình tự khiếu nại bằng văn bản đối với phán quyết

貳、家事事事件裁判教示條款

Điều khoản hướng dẫn phán quyết về vụ việc hôn nhân và gia đình

421

如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀並表明上訴理由，如於本判決宣示後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書(須按他造當事人之人數附繕本)；如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, nếu sau khi phán quyết này đã được đưa ra, mà kháng cáo trước khi tổng đạt, thì sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn nêu lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia); nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

422

不得上訴。

Không được kháng cáo.

423

如對本裁定抗告須於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並應繳納抗告費新臺幣 1,000 元。

Khi có kháng cáo về phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.

424

如不服本裁定關於核定訴訟價額部分，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元；其餘關於命補繳裁判費部分，不得抗告。

Khi không đồng ý với phán quyết về giá ngạch tố tụng đã được phê duyệt, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ; còn về lệnh yêu cầu nộp đủ phí xét xử thì không được kháng cáo.

425

如不服本裁定應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元(但如對於原判決已合法上訴者，本件不得抗告)。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ (nhưng người đã kháng cáo một cách hợp pháp với phán quyết ban đầu, thì không được kháng cáo trong vụ án này).

426

如對本裁定抗告，須於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀。

本裁定自核發時起生效，於聲請人撤回通常保護令之聲請、法院審理終結核發通常保護令或駁回聲請時，失其效力。

Khi có kháng cáo về phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

Phán quyết này có hiệu lực kể từ khi được đưa ra, khi Người đệ đơn nộp đơn rút lệnh bảo vệ thông thường, Tòa án xét xử chấm dứt việc cấp lệnh bảo vệ thông thường hoặc bác đơn, thì phán quyết này mất hiệu lực.

427

如對本裁定抗告，須於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀（需附繕本）。

Khi có kháng cáo về phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (cần phải đính kèm bản sao).

附錄：

Phụ lục：

依家庭暴力防治法第 16 條第 6 項規定，本院 00 年度(司)暫/緊家護字第 0000 號暫時保護令，於本院駁回聲請人聲請時，失其效力。

Căn cứ theo quy định của khoản 6 điều 16 Luật phòng chống bạo lực gia đình, khi Tòa án chúng tôi bác đơn của Người đệ đơn thì lệnh bảo vệ tạm thời số ... năm... do Tòa án (phòng/ban) chúng tôi cấp sẽ mất hiệu lực.

428

如不服本裁定關於選定監護人及指定會同開具財產清冊之人等部分，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元；其餘關於宣告監護之部分，不得抗告。

Khi không đồng ý với phán quyết về Người giám hộ được Tòa án chỉ định và Người cùng thực hiện việc lập biên bản kiểm kê tài sản được Tòa án chỉ định, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ; còn về việc tuyên bố Người giám hộ, thì không được kháng cáo.

429

如不服本裁定關於選定輔助人之部分，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元；其餘關於輔助宣告之部分，不得抗告。

Khi không đồng ý với phán quyết về Người phụ trợ được Tòa án chỉ định, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ; còn về việc tuyên bố phụ trợ, thì không được kháng cáo.

430

如提起再抗告者，應於裁定送達後 10 日內向本院提出再抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並應委任律師或釋明符合民事訴訟法第 466 條之 1 第 2 項規定之關係人具有律師資格者為代理人(需一併提出委任狀正本)，或釋明抗告人或其法定代理人具有律師資格。

依據民事訴訟法第 486 條第 4 項規定，再抗告僅得以其適用法規顯有錯誤為理由。

Khi đưa ra kháng cáo lần nữa, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10

ngày phải nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải ủy quyền cho luật sư hoặc nêu rõ người được ủy quyền liên quan làm Người đại diện có tư cách luật sư phù hợp với quy định của khoản 2 điều 466-1 Luật tố tụng dân sự (phải đồng thời đưa ra bản chính của đơn ủy quyền), hoặc nêu rõ Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo có tư cách luật sư.

Căn cứ theo quy định của khoản 4 điều 486 Luật tố tụng dân sự, lý do kháng cáo lần nữa chỉ được chấp nhận khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng.

431

如不服本裁定應於送達後10日內向本院提出再抗告狀(須按他造當事人之人數附繕本)，並繳納再抗告費新臺幣1,000元。

再抗告僅得以適用法規顯有錯誤為理由，並應委任律師或具律師資格之人為代理人。如委任律師提起再抗告者。應一併繳納再抗告裁判費。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.

Lý do kháng cáo lần nữa chỉ được chấp nhận khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng, và phải ủy quyền luật sư hoặc người có tư cách luật sư làm Người đại diện. Nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

432

不得聲明不服。

Không được bày tỏ không chấp thuận.

433

訴訟費用之裁判，非對於本案判決有上訴時，不得聲明不服。

Phán quyết về chi phí tố tụng, khi không kháng cáo về phán quyết của vụ án này, thì không được bày tỏ không chấp thuận.

434

不得抗告。

Không được kháng cáo.

435

不得再抗告。

Không được kháng cáo lần nữa.

436

如對本裁定不服應於送達後 10 日內向本院提出異議狀。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn chống án cho Tòa án.

437

本裁定不得再抗告。但得於收受送達後 10 日內向本院提出異議。

Phán quyết này không được kháng cáo lần nữa. Nhưng sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn chống án cho Tòa án.

438

依民事訴訟法第 486 條第 2 項規定，對於本裁定不得再為抗告，但得於本裁定送達後 10 日內向本院提出異議狀，並應一併繳納程序

費用新臺幣 1,000 元。

Căn cứ theo quy định của khoản 2 điều 486 Luật tố tụng dân sự, không được kháng cáo lần nữa đối với phán quyết này, nhưng sau khi tổng đạt phán quyết này, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn chống án cho Tòa án, và phải cùng lúc nộp chi phí trình tự 1.000 Đài tệ.

439

當事人(及參加調解之利害關係人)得於送達後 10 日之不變期間內提出異議。如於期間內提出異議，視為調解不成立；未於期間內提出異議，視為已依本方案成立調解。

Sau khi Đương sự (và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia hòa giải) nhận được tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày, với khoảng thời gian không thay đổi, phải nộp đơn chống án cho Tòa án. Trong khoảng thời gian này nộp đơn chống án, được xem là hòa giải không thành; trong khoảng thời gian này không nộp đơn chống án, được xem là căn cứ theo phương án này đã hòa giải thành.

440

如不服本裁定，應於收受送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並繳納抗告費新臺幣 1,000 元。但如對本件判決已合法上訴，則本裁定不得抗告。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ. Nhưng nếu đã kháng cáo một cách hợp pháp với phán quyết của vụ án này, thì không được kháng cáo phán quyết này.

441

如對本判決上訴，須於判決送達後 20 日內向本院提出上訴狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內向本院提出上訴理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）

上訴時應提出委任律師或具有律師資格之人之委任狀；委任有律師資格者，另應附具律師資格證書及釋明委任人與受任人有民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項所定關係之釋明文書影本。

如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴裁判費。

Khi có kháng cáo về phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, nếu chưa nêu lý do kháng cáo, sau khi nộp đơn kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn nêu lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

Khi kháng cáo phải đưa ra giấy ủy quyền luật sư hoặc người có tư cách luật sư; Người ủy quyền cho luật sư phải nộp kèm theo chứng nhận tư cách luật sư và ghi rõ hoặc bản sao giấy tờ nêu rõ mối quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 Luật tố tụng dân sự. Nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

442

被（上訴人）不得上訴。

Bên bị kháng cáo không được kháng cáo.

被（上訴人）如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內向本院補提理由書狀（均須按他造當事人之人數附繕本）上訴時應提出委

任律師或具有律師資格之人之委任狀；委任有律師資格者，另應附具律師資格證書及釋明委任人與受任人有民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項所定關係之釋明文書影本。如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

Khi Bên bị kháng cáo không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, khi chưa nêu lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp cho Tòa án đơn bổ sung nêu lý do kháng cáo (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), khi kháng cáo phải nộp giấy ủy quyền luật sư hoặc người có tư cách luật sư; Người ủy quyền cho luật sư phải nộp kèm theo chứng nhận tư cách luật sư và ghi rõ hoặc bản sao giấy tờ nêu rõ mối quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 Luật tố tụng dân sự. Nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

443

被（上訴人）合併上訴利益額逾新臺幣 150 萬元，如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內向本院補提理由書狀（均須按他造當事人之人數附繕本）上訴時應提出委任律師或具有律師資格之人之委任狀；委任有律師資格者，另應附具律師資格證書及釋明委任人與受任人有民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項所定關係之釋明文書影本。如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

Tổng mức lợi ích của bên (bị) kháng cáo vượt quá 1.500.000 Đồng, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, nếu chưa nêu lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp cho Tòa án đơn bổ sung nêu lý do kháng cáo (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), khi kháng cáo phải đưa ra giấy ủy quyền luật sư hoặc người có tư cách hành nghề luật sư; Người ủy quyền cho luật sư phải nộp kèm theo chứng nhận tư cách luật sư và ghi rõ hoặc bản sao giấy tờ nêu rõ mối quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 Luật tố tụng dân sự. Nếu đã ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

444

如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內向本院補提理由書狀（均須按他造當事人之人數附繕本）上訴時應提出委任律師或具有律師資格之人之委任狀；委任有律師資格者，另應附具律師資格證書及釋明委任人與受任人有民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項所定關係之釋明文書影本。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, khi chưa nêu lý do kháng cáo, sau khi nộp kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp cho Tòa án đơn bổ sung nêu lý do kháng cáo (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), khi kháng cáo là phải đưa ra giấy ủy quyền luật sư hoặc người có tư cách hành nghề luật sư; Người ủy

quyền cho luật sư phải nộp kèm theo chứng nhận tư cách luật sư và ghi rõ hoặc bản sao giấy tờ nêu rõ mối quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền theo điều khoản ngoại lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 Luật tổ tụng dân sự.

445

本案訴訟標的價額逾新臺幣 150 萬元時，如不服本裁定，應於收受送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並應繳納抗告費新臺幣 1,000 元。

Khi giá ngạch tố tụng trong vụ án này là vượt quá 1.500.000 Đài tệ, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.

446

核定訴訟標的價額部分，如不服裁定得於收受送達後 10 日內向本院提出抗告狀，並繳納抗告費新臺幣 1.000 元。

命補繳裁判費部分不得抗告。

Về giá ngạch tố tụng đã được phê duyệt, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.

Lệnh yêu cầu nộp đủ phí xét xử thì không được kháng cáo.

447

本裁定除以適用法規顯有錯誤為理由外，不得再抗告。如提起再抗告，應於收受送達後 10 日內委任律師為代理人向本院提出再抗告狀。並繳納再抗告費新臺幣 1,000 元。

Ngoại trừ lý do khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng, nếu

không được kháng cáo lần nữa. Khi đưa ra kháng cáo lần nữa, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải ủy quyền luật sư làm Người đại diện nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án. Và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.

448

本案訴訟標的價額逾新臺幣 150 萬元時，對本裁定除以適用法規顯有錯誤為理由外，不得再抗告。如提起再抗告，應於收受送達後 10 日內委任律師為代理人向本院提出再抗告狀。並繳納再抗告費新臺幣 1,000 元。

Khi giá ngạch tố tụng trong vụ án này là vượt quá 1.500.000 Đài tệ, ngoại trừ lý do khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng, nếu không được kháng cáo lần nữa. Khi đưa ra kháng cáo lần nữa, sau khi tổng đạt, trong thời hạn 10 ngày phải ủy quyền luật sư làm Người đại diện nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án. Và phải nộp phí kháng cáo 1.000 Đài tệ.